

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 19/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiền
2. Ông Lương Văn Thoại

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Huyền Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, 111A P, phường B, quận..., Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông H, chức vụ Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông H, chức vụ Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng, đơn vị: vùng Nam Hà Nội, khối mạng lưới kinh doanh ngân hàng bán lẻ (Giấy ủy quyền số 198681.24 ngày 18/9/2024); Người diện theo ủy quyền nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng: ông N, ông Q, ông T, ông B (Giấy ủy quyền số 271365.24 ngày 29/11/2024).

Các ông N, ông Q, ông B vắng mặt, ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông N M T, sinh năm 1980 và bà N T H, sinh năm 1984; CCCD số: 033667; cùng đăng ký thường trú: Thôn T, xã V (nay là xã K), huyện G, thành phố Hà Nội.

(Ông T và bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải yêu cầu khởi kiện đối với ông N M T và bà N T H với nội dung như sau:

Ngày 28/12/2021, Ngân hàng TMCP Q và ông N M T, bà N T H có ký kết hợp đồng tín dụng số 7799961.21 tại chi nhánh Đồng Đa. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

- Ngân hàng TMCP Q đồng ý cho ông N M T và bà N T H vay số tiền 1.000.000.000 đồng để ông N M T và bà N T H thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe với thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày 29/12/2021 đến ngày 28/12/2029.

- Hai bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.9%. Đây là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm mà nguyên đơn quy định tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 3,9%.

Trả tiền gốc: Vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ 25/01/2022, ông T và bà H phải trả 10.417.000 đồng/tháng, số nợ gốc còn lại được thanh toán vào kỳ cuối cùng.

- Trả tiền lãi vào ngày 25 hàng tháng.

- Trả phí: theo quy định của nguyên đơn từng thời kỳ.

- Thỏa thuận lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông N M T và bà N T H đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Hyundai số loại Santafe, BKS 30H-383.25, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29183517 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2021 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3807226.21 ký ngày 28/12/2021. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2021, nguyên đơn đã giải ngân cho ông N M T và bà N T H theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7799961(1).21 ký ngày 28/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N M T và bà N T H đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 565.078.444 đồng gồm nợ gốc là 302.093.000 đồng, nợ lãi là 262.985.444 đồng tính đến ngày 10/2/2025 nhưng do ông N M T và bà N T H vi phạm các thỏa thuận nêu trên nên từ ngày 25/6/2024, khoản vay của ông N M T và bà N T H đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 11/4/2025, ông N M T và bà N T H còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 808.072.652 đồng, trong đó nợ gốc là 697.907.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.467.473 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông N M T và bà N T H trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 tổng số tiền 808.072.652 đồng, trong đó nợ gốc là 697.907.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.467.473 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/04/2025 cho đến khi ông N M T và bà N T H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

- Trường hợp ông N M T và bà N T H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án tuyên cho nguyên đơn có quyền được tự xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 ô tô nhãn hiệu Hyundai số loại Santafe, BKS 30H-383.25, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29183517 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2021 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3807226.21 ký ngày 28/12/2021 mang tên ông N M T.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

Bị đơn ông N M T và bà N T H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo lời khai nguyên đơn kèm theo bản sao bản tự khai của nguyên đơn, bảng kê tính lãi trong hạn, bảng kê tính lãi quá hạn, bảng kê dư nợ khoản vay, tình hình giao dịch khế ước tính đến ngày 30/12/2024 nhưng không nộp cho Tòa án bản tự khai, không đến Tòa để Tòa án lấy lời khai, không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông N M T và bà N T H cũng không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xin rút yêu cầu được tự xử lý tài sản đảm bảo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khác đã thể hiện tại đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Về số tiền nợ thì Ngân hàng Quốc tế đề nghị tính đến ngày xét xử, tổng số tiền đề nghị buộc ông N M T và bà N T H phải trả là 824.560.960 đồng bao gồm nợ gốc là 697.807.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.595.985 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 1.993.361 đồng. Ông N M T và bà N T H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, các bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Q.

- Buộc ông N M T, bà N T H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 824.560.960 đồng, trong đó nợ gốc là 697.807.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.595.985 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.993.361 đồng.

- Kể từ ngày ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh N M T, chị N T H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông N M T và bà N T H cùng cư trú tại thôn T, xã V (nay là xã K), huyện G nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền loại việc, cấp Tòa án, lãnh thổ.

[2] Về thời hiệu: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đòi thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền là bảo vệ quyền sở hữu của mình, căn cứ khoản 2 Điều 155 BLDS 2015 thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Ngân hàng khởi kiện đã đảm bảo về thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, các bị đơn ông N M T và bà N T H đều vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 7799961.21 ký kết ngày 28/12/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông N M T và bà N T H:

[4.1] Về hình thức của hợp đồng tín dụng: Đây là hợp đồng vay tài sản đã được các bên lập thành văn bản theo đúng quy định tại Điều 119 của BLDS 2015. Khi thỏa thuận, ký kết hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày các bên hoàn toàn tự nguyện, không có hành vi gian dối, không vi phạm pháp luật, tuy Ông N M T và bà N T H đến nay không có lời khai, quan điểm tại Tòa án thể hiện có tự nguyện thỏa thuận, ký kết hợp đồng không nhưng ông N M T và bà N T H đã được tổng đạt, thông báo việc ngân hàng khởi kiện, các nội dung Ngân hàng yêu cầu nhưng ông N M T và bà N T H vẫn không tham gia tố tụng, không có văn bản có ý kiến nên đủ cơ sở khẳng định việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện theo điểm b khoản 1 Điều 117 BLDS 2015.

[4.2]. Về nội dung của Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng đã có đầy đủ nội dung về bên cho vay, bên vay, số tiền vay, đối tượng tài sản cho vay của hợp đồng tín dụng là tiền đồng Việt Nam phù hợp với Điều 463 BLDS 2015. Ngân hàng cho ông N M T và bà N T H vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 96 tháng tính từ ngày 29/12/2021. Ông N M T và bà N T H đã nhận đủ số tiền trên theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021. Nên nội dung của Hợp đồng tín dụng và quá trình thực hiện hợp đồng đã đảm bảo đầy đủ các nội dung

quy định tại Điều 398 BLDS 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Nhưng ông N M T và bà N T H đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 25/6/2024 là ông N M T và bà N T H đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021 nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu khởi kiện buộc ông N M T và bà N T H phải thanh toán nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021 là có căn cứ. Do hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 7799961.21 ký kết ngày 28/12/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông N M T và bà N T H là đúng quy định nên hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 BLDS 2015. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng theo Điều 401 BLDS 2015 tức ngày 28/12/2021, nên buộc ông N M T và bà N T H phải thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ.

[4.3] Đối với nợ lãi: Các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn thời điểm ký kết hợp đồng và tại đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021 là 8.9%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh lại là 03 tháng/01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả là 10%/năm trên lãi chậm trả là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, có căn cứ buộc ông N M T và bà N T H phải thanh toán toàn bộ số nợ lãi tính đến ngày xét xử là .

[4.4]. Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông N M T và bà N T H về việc tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đối với toàn bộ dư nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong hết khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 463 BLDS quy định khoản vay có lãi thì phải trả lãi, Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được HĐPTANDTC thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án TANDTC.

[5]. Xét hợp đồng thế chấp đảm bảo khoản vay của ông N M T và bà N T H:

[5.1] Ngày 28/12/2021, ông N M T và bà N T H ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3807226.21 theo đó ông N M T và bà N T H đã thế chấp xe ô tô

nhãn hiệu Hyundai số loại Santafe, BKS 30H-383.25, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29183517 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2021 cấp tên ông N M T để đảm bảo khoản vay trên.

[5.2] Xét hình thức của hợp đồng thế chấp đã được lập thành văn bản, đã tiến hành thủ tục đăng ký tài sản đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên tham gia ký kết hợp đồng đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao kết hợp đồng tự nguyện, không bị lừa dối là các bên đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320 BLDS 2015.

[5.3] Xét về nội dung của hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải, ông N M T và bà N T H đã sử dụng tài sản đảm bảo thuộc quyền sở hữu của mình, tại thời điểm thế chấp không ai tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc ô tô nhãn hiệu Hyundai số loại Santafe, BKS 30H-383.25 nên đối tượng thế chấp đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là bên nhận thế chấp đã thực hiện đầy đủ quyền của mình theo khoản 4 Điều 323 BLDS 2015 nên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/12/2021. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp trên đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thi hành, khi ông N M T và bà N T H không thanh toán được nghĩa vụ của mình với Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì phải xử lý tài sản đảm bảo là đúng với thỏa thuận quy định tại Hợp đồng thế chấp và khoản 2 Điều 322 BLDS 2015.

[6] Xử lý tài sản đảm bảo:

[6.1] Trường hợp ông N M T và bà N T H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo của Hợp đồng thế chấp cho đến khi thu hồi xong mọi khoản nợ của ông N M T và bà N T H phát sinh từ hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ là đúng với mục 9.3 mục 9 của Hợp đồng thế chấp, Điều 317 BLDS 2015.

[6.2] Khi xử lý tài sản đảm bảo nếu không thu hồi được toàn bộ nợ gốc, lãi, phí phát sinh thì ông N M T và bà N T H phải tiếp tục có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng trên là đúng với thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng và Điều 466 BLDS 2015 nên được chấp nhận. [8]. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận nên ông N M T và bà N T H phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quan điểm của Đại diện VKSND huyện G tại phiên tòa trùng với quan điểm của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 68, 147, 227, 269, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 155, , các Điều 116, 117, 118, 119, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 400, 401, 463, 466 BLDS 2015;

- Căn cứ vào điều 90, 91, 95 và 98 [Luật các tổ chức tín dụng](#);

- Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh nước ngoài đối với khách hàng;

- Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được HĐTPTANDTC thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án TANDTC;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông N M T và bà N T H về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông N M T và bà N T H.

2. Xác định Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2021 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông N M T và bà N T H có hiệu lực pháp luật.

3. Xác nhận đến ngày 19/5/2025, ông N M T và bà N T H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 824.560.960 đồng bao gồm nợ gốc là 697.807.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.595.985 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 1.993.361 đồng.

4. Buộc ông N M T và bà N T H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 824.560.960 đồng bao gồm nợ gốc là 697.807.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.164.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.595.985 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 1.993.361 đồng.

Kể từ ngày 20/5/2025, ông N M T và bà N T H còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chưa thi hành, tuy nhiên khi Ngân hàng có quyết định điều chỉnh lãi suất thì mức lãi suất này cũng sẽ

được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

5. Trong trường hợp ông N M T và bà N T H không trả được khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Hyundai số loại Santafe, BKS 30H-383.25, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29183517 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/12/2021 cấp tên ông N M T để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N M T và bà N T H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông N M T và bà N T H thanh toán xong các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q phải có trách nhiệm cùng ông N M T và bà N T H thanh lý Hợp đồng thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông N M T và bà N T H mà không xử lý tài sản thế chấp.

6. Về án phí: Ông N M T và bà N T H phải chịu đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 16.671.056 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G biên lại ký hiệu BLTU/23 số 0065758 ngày 14/01/2025.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N M T và bà N T H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKS nhân dân huyện G;
- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương